

TÌM HIỂU VỀ CÁC TỘC NGƯỜI CƠ BẢN Ở CHÂU PHI

*Lê Bích Ngọc**

Châu Phi là châu lục đứng thứ hai trên thế giới về dân số (sau châu Á) và diện tích lớn thứ ba trên thế giới (sau châu Á và châu Mỹ). Với diện tích khoảng 30.244.050 km² bao gồm cả các đảo cận kề thì châu Phi chiếm 20,4% tổng diện tích đất đai của trái đất. Với trên 800 triệu dân sinh sống ở 54 quốc gia, dân số châu Phi chiếm khoảng 1/7 dân số thế giới. Có thể nói không có một lục địa nào lại có sự đa dạng về tự nhiên và di truyền mà tất cả các nhóm dân tộc trên thế giới đều bắt nguồn từ đó. Châu Phi bản địa chính là bằng chứng cho dải quang phổ đầy đủ màu sắc, cho sắc thái da, độ dày mỏng của tóc, các phong tục văn hoá và tôn giáo phong phú. Tuy nhiên, tất cả tính đa dạng này đều có một nét thẩm mỹ chung xuyên suốt những nền văn hoá này thành một đại gia đình châu Phi. Với 54 nước, châu Phi

là vùng đất tập trung rất nhiều các tộc người, và các tộc người này cũng tác động lẫn nhau tạo cho châu Phi một nét rất riêng về văn hoá, kinh tế, chính trị.

1. Người Amhara

Amhara là nhóm dân tộc tiền bộ của châu Phi, nổi bật về chính trị và văn hoá. Họ định cư đầu tiên ở cao nguyên trung tâm của Ethiopia và chiếm tỷ lệ dân số quan trọng ở các tỉnh của Begemder và Gojjam và ở những khu vực của Shoa và Wallo. Amhara là một nhóm bộ tộc ở các vùng cao nguyên chính của Ethiopia, dân số khoảng 23 triệu người, chiếm 32,2% dân số của cả nước theo thống kê gần đây nhất vào năm 1994. Họ nói tiếng Amharic, ngôn ngữ chính thống của Ethiopia và có ảnh hưởng lớn tới đời sống kinh tế và chính trị của quốc gia.

Tôn giáo chiếm ưu thế trong nhiều thiên niên kỷ của người Amhara là Thiên chúa

* Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

giáo, nhà thờ chính thống Ethiopia đóng vai trò chủ đạo trong nền văn hoá của đất nước và của bộ tộc Amhara. Theo kết quả điều tra dân số năm 1994, có 81,5% tôn giáo Amhara của Ethiopia là tôn giáo chính thống, bên cạnh đó có 18,1% là đạo Hồi và 0,1% là đạo Tin lành. Nhà thờ chính thống Ethiopia vẫn duy trì những mối liên hệ gắn gũi với Giáo hội cổ Ai Cập. Timkut, Miskal, Genet, lễ phục sinh và lễ hiến linh là những ngày lễ quan trọng nhất, rất đáng chú ý với các dịch vụ, các bữa tiệc và những điệu nhảy. Tất cả các ngày lễ đều mang nét đặc trưng của Ethiopia.

Ngôn ngữ của người Amhara là tiếng Amhara. Đây là ngôn ngữ thứ hai được người Xemit nói nhiều nhất trên thế giới, sau tiếng Arab và cũng là ngôn ngữ thứ hai được nói nhiều nhất của người châu Á da đen (sau tiếng Arab). Có 27 triệu người nói tiếng Amhara như là ngôn ngữ đầu tiên, còn lại khoảng 7 đến 15 triệu người nói tiếng Amhara như là ngôn ngữ thứ hai.

2. Người Dinka

Là tộc người bản xứ của nước cộng hòa Sudan ở châu Phi, Dinka là một trong những tộc người bản xứ lớn nhất ở miền nam đất nước. Từ khoảng thế kỷ X, họ đã sống trên dọc hai bờ của sông Nile trắng. Đặc trưng của người Dinka là cao và gầy, da đen và mắt hình quả hạnh nhân. Đàn ông Dinka từ 10 tuổi đến 16 tuổi khắc một vết rạch dài trên trán trong suốt nghi lễ kết nạp vào nhóm riêng biệt của họ. Người Dinka nói năm ngôn ngữ bắt nguồn từ nhánh Tây (Sudan) của hệ ngôn ngữ Nile-Saraha. Là bộ tộc mang đậm tính đồng quê, người Dinka nuôi rất nhiều bò, cừu và dê. Bò đóng vai trò rất

quan trọng trong văn hóa của người Dinka và là biểu tượng cho sự giàu có, vì vậy các loại sữa là thức ăn chủ yếu. Tuy nhiên, cuộc nội chiến lâu dài ở Sudan đã làm cho các đàn gia súc bị giảm sút mạnh và tạo ra những thay đổi tất yếu trong một vài phong tục văn hóa của họ. Tôn giáo truyền thống của người Dinka là một dạng của đạo đa thần, nhưng một vài người vẫn theo đạo Cơ đốc. Tôn giáo được thống trị bởi chúa Nhialic (trời), người nói chuyện thông qua các linh hồn. Nghi lễ hiến tế bò do một người rất thành thạo giáo mác thực hiện; đây là một việc làm rất quan trọng với ông ta và cũng là một việc có ảnh hưởng đến số phận của mọi người. Hệ thống xã hội của người Dinka do các thu lĩnh chi đạo, họ là những người có vai trò giống như là mục sư và những xứ giả hòa bình. Gần đây có khoảng 500.000 người Dinka sống ở Sudan.

3. Người Fulani

Người Fulani nói được 3 ngôn ngữ. Trong đó ngôn ngữ chính là tiếng Fulfulde (90% người nói). Ngôn ngữ thứ hai là Hausa. Ngôn ngữ thứ ba là Tamajag. Ngoài ra còn có các thổ ngữ như Kano - Katsina - Bororro (Cameroon, Niger, Nigeria), Bagirmi, Sokoto. Người Fulani ở miền Tây Phi là một nhóm dân tộc du cư lớn nhất trên thế giới.

Dân số của người Fulani có khoảng 15 triệu người phân bố ở các quốc gia: Niger có 1 triệu người, Mali: 1 triệu, Cameroon: 700 ngàn người, Burkina Faso: 500 ngàn người, Benin: 230 ngàn người, Sudan: 100 ngàn người, Togo: 50 ngàn người, Cộng hòa Trung Phi: 25 ngàn người, Ghana: 5000 người, Nigeria: 11 triệu người. (người Woodaabe: có hơn 40 ngàn người ở Niger và khoảng 25 ngàn người ở Chad).

Là một cộng đồng dân tộc nên trên thực tế các quốc gia này bao gồm một số lượng lớn dân cư từ các dân tộc khác nhau, những dân tộc đã bị xâm chiếm và trở thành một bộ phận của Fulani thông qua sự truyền bá của đạo Hồi. Người Fulani kiểm soát nhiều vùng của Tây Phi và củng cố quyền lực của mình không chỉ trong lĩnh vực tôn giáo mà cả trong lĩnh vực kinh tế và chính trị. Fulani là một dân tộc rất đáng tự hào, họ là những người truyền giáo đạo Hồi. Người Fulani chủ yếu là những người chăn nuôi gia súc và những thương nhân. Nhờ vào lối sống du cư mà họ đã tạo ra được những con đường thương mại ở Tây Phi. Đã nhiều lần người Fulani đến những khu buôn bán địa phương và tiếp xúc với mọi người ở đây để lấy thông tin và tuyên truyền đến những vùng ở Tây Phi.

Gia súc là quan trọng nhất trong xã hội Fulani, có rất nhiều tên, phong tục truyền thống và những điều cấm kỵ có liên quan đến gia súc. Số lượng bò mà một người sở hữu là dấu hiệu biểu hiện sự giàu có của người đó. Điều này đã gây nên một cuộc xung đột lớn trong những tháng gần đây giữa người Fulani và các nhóm dân tộc khác. Nguyên nhân của các cuộc xung đột này chủ yếu là vì rất nhiều lần bò đã xuống cánh đồng ăn lúa mì của nông dân địa phương. Cùng với việc tăng số lượng các phương tiện chuyên chở khác đang được sử dụng thì người Fulani đang đứng trước nguy cơ mất đi đặc tính du cư của mình và buộc phải định cư trong các trang trại và làng xóm. Đôi khi, chính điều này lại tạo ra nhiều vấn đề khác, vì người Fulani là những người rất tự hào về nền văn hóa riêng biệt của họ và họ cũng đã từng cai trị các dân tộc khác.

Người Fulani rất tôn trọng cái đẹp. Vẻ đẹp được xem là rất quan trọng và một trong những cách thể hiện điều này là những hình xăm trên khắp cơ thể. Một đặc điểm khác biệt của người Fulani có lẽ là môi của họ, cái mà thường xuyên là một màu đen sẫm do dùng thuốc nhuộm hoặc là xăm lên miệng.

Dũng cảm và không sợ hãi là đặc tính rất quan trọng đối với người Fulani và nó được thể hiện qua rất nhiều loại vũ khí của họ. Một phong tục truyền thống là khi hai cậu con trai đến tuổi thì chúng sẽ dùng chiếc gậy của mình để đánh nhau, nhưng chúng không được thể hiện bất cứ một sự đau đớn nào mà thay vào đó chúng luôn phải cười lớn. Nhiều người đã chết trong những nghi lễ này, và ngày nay ở nhiều quốc gia, nghi lễ này là phạm luật nhưng nó vẫn tiếp tục được thực hiện.

Người Fulani thường nuôi một số lượng lớn gia súc và vì vậy mà họ đã định cư ở những khu vực bằng phẳng rộng lớn của Mali, Niger, Burkina Faso và Ghine. Người Fulani vẫn giữ chế độ đẳng cấp rất hà khắc. Bốn thành phần đẳng cấp là giới quý tộc, thương gia, thợ rèn và con cháu của những nô lệ của những người Fulani giàu có. Trong khi những người đàn ông dắt gia súc đi bộ thì phụ nữ lại ngồi trên lưng những con lừa cùng với tất cả những đồ dùng gia đình của họ. Cũng như những con bò khỏe mạnh với những chiếc sừng lớn, người Fulani còn có những con cừu chân dài có nửa thân sau màu trắng và nửa thân trước màu đen. Hoạt động của đàn ông thay đổi theo mùa. Các anh em trai hoặc con trai của họ cũng có thể thay họ chăm sóc đàn bò. Phụ nữ vắt sữa bò, nghiền hạt kê, lo chuyện bếp núc và chăm sóc con cái.

Các nguồn thu nhập chính của người Fulani chủ yếu được lấy từ bò (lấy sữa, thịt, da) và thuốc truyền thống. Một vài phụ nữ còn kiếm tiền bằng việc tết tóc.

Mặc dù một số lượng lớn bị mù chữ nhưng nền văn hóa của họ có rất nhiều những câu tục ngữ, những câu chuyện ngụ ngôn, thần thoại và những câu đố rất phong phú, đã phản ánh tinh tế được suy nghĩ và những giá trị cơ bản.

Thức ăn của người Fulani là sữa và một vài thứ khác trong rừng cây bụi. Họ cũng ăn hạt kê và bột sắn bột. Trong những ngày lễ, họ chỉ ăn một ít thịt và có thể ăn thêm một ít đậu. Nói chung họ không ăn rau. Một vấn đề là số tiền ít ỏi mà họ để dành để mua lương thực lại được dành cho trà thay vì những thức ăn bổ dưỡng.

Trang phục của người Fulani cũng rất độc đáo. Đàn ông quấn một tấm da cừu màu nâu vàng xung quanh hông, bên trên là một chiếc áo dài đến ngang lưng. Họ còn đội cả một chiếc khăn xếp trên đầu. Những phụ nữ đã có chồng không che ngực trong vòng hai năm sau khi họ sinh đứa con đầu lòng. Còn những cô gái trẻ thì lại quấn xung quanh một tấm vải dài được làm bằng những tấm vải được kết lại với nhau.

4. Người Hadza

Bộ tộc Hadza là một nhóm nhỏ những người Hadzabe sống xung quanh hồ Eyasi ở phía bắc Tanzania. Họ sinh sống bằng hoạt động săn bắn, hái lượm và hầu như không tiếp xúc với thế giới hiện đại bên ngoài. Ngôn ngữ của họ giống với ngôn ngữ nhân của nhóm ngôn ngữ Khoisan ở miền nam Kalahari. Dân số ít ỏi của họ đang bị đe dọa một cách nghiêm trọng.

5. Người Hammer

Người Hammer thuộc một nhóm người khác biệt về văn hoá được biết như là người Sidamo sống ở phía nam Ethiopia. Dân số khoảng 23.700 người. Ngôn ngữ của họ là tiếng Hammer-Banna. Người Hammer sống gần với người Banna. Có 95% người Hammer-Banna theo đạo Hồi Sunni. Họ tuân theo 5 học thuyết nền tảng của đạo Hồi, thừa nhận rằng Allah là vị thánh duy nhất đã cầu nguyện, ăn chay, ban phát của bố thí cho người nghèo, và hành hương tới Mecca. Tuy nhiên, rất nhiều yếu tố tôn giáo thuộc truyền thống của họ vẫn được thực hiện. Ví dụ như họ tin rằng các vật thể tự nhiên (đá, cây cối,...) đều có linh hồn. Họ cũng tin vào các vị thần hoặc các linh hồn mà có thể mang hình dáng của người hoặc động vật và tác động những thế lực siêu nhiên lên con người.

Người Hamer hầu hết là những người chăn nuôi gia súc. Người Hamer sống ở các trang trại bao gồm một vài gia đình có họ hàng với nhau. Các gia đình này sống trong những túp lều được sắp xếp theo một vòng tròn, đến tối thì họ lùa gia súc vào khu giữa trại. Khi dựng trại thì họ sẽ dựng giường cho phụ nữ và trẻ em đầu tiên, sau đó mới dựng khung trại xung quanh. Những túp lều được dựng lên bằng những cây cọ rất dẻo cắm xuống đất theo hình vòng tròn. Những cây cọ được uốn cong ở phía trên, nối lại với nhau ở trên đỉnh và sau đó được buộc chặt lại.

Những túp lều này sẽ được bao phủ bằng những mái lá trong suốt mùa khô và những tấm vải bạt trong suốt mùa mưa. Đàn ông và các cậu bé trai thường ngủ trên những cái võng ở giữa trại, gần khu gia súc. Những đàn

gia súc thuộc sở hữu của người Hamer-Banna bao gồm chủ yếu là bò, tất nhiên cũng có một ít cừu và dê. Lạc đà thì được dùng để cưỡi và chở hàng.

Hầu hết những người Hamer-Banna đều trồng cây cao lương vào đầu mùa mưa trước khi họ bắt đầu hành trình du cư của mình. Một vài hộ gia đình thì trồng vừng và đậu. Do cây trồng thường bị bỏ mặc không được chăm sóc nên sản lượng rất thấp. Rất ít các hộ gia đình trồng đủ số lượng lúa để duy trì suốt năm.

Một đặc điểm nổi bật của đàn ông và phụ nữ Hamer-Banna là họ rất thích bới tóc một cách tỉ mỉ công phu. Họ đội một cái mũ bằng đất sét được sơn và trang trí với nhiều lông chim và các đồ trang sức khác. Chủ yếu thời gian của họ là dành cho việc sửa soạn đầu tóc, và họ cũng phải giữ gìn để bảo vệ tóc khỏi bị hư. Đây là một trong những lý do tại sao đàn ông lại thường ngủ trên những chiếc ghế đệm nhỏ, phụ nữ thường dùng bơ để giữ vệ hoàn hảo cho mái tóc.

Một người đàn ông trang nhã sẽ mặc một áo choàng ngoài rộng - giống như áo của thầy tu và mang theo một cây thương và một cái ghế đầu. Phụ nữ cũng thường khoác những chiếc khăn choàng ngoài nhiều màu sắc giống như những bộ quần áo. Đàn ông có thể cưới nhiều phụ nữ mà họ thích, nhưng chỉ giới hạn ở trong bộ tộc của họ mà thôi. Một sinh lễ bao gồm bò và những hàng hoá khác sẽ do người chồng tương lai và những họ hàng thân thiết của anh ta chuẩn bị. Một gia đình bao gồm một phụ nữ, những đứa trẻ và một người đàn ông bảo hộ. Một người đàn ông có thể là một người bảo hộ cho

nhiều gia đình, phụ thuộc vào số lượng vợ mà anh ta có.

Tương tự, những người đàn ông thỉnh thoảng cũng được phân công trách nhiệm bảo vệ cho một người phụ nữ đã ly hôn, một góa phụ hay là những người vợ có chồng đi xa (thường là anh trai của anh ta). Các lễ cưới bao gồm những bữa tiệc và những điệu nhảy. Các cô gái trẻ đều được cắt bỏ âm hộ và các chàng trai trẻ thì bị cắt bao quy đầu.

6. Người Hausa

Người Hausa có khoảng 10 tới 15 triệu người. Tất cả đều theo đạo Hồi Sunni. Người Hausa sống ở Nigeria, Niger, và một số bộ phận khác sống ở phía đông của vùng Tây Phi, thuộc nhóm người Chad của khu vực Á Phi.

Gia nhập đầu tiên vào một nhóm của những thành phố tự trị phong kiến, bộ tộc Hausa đã bị xâm chiếm từ thế kỷ XIV bởi hàng loạt các vương quốc ở Tây Phi trong đó có Mali, Songhai, Boru và Fulani. Tuy nhiên, đôi khi người Hausa cũng có du sức mạnh và đoàn kết để đánh bại sự thống trị ngoại quốc và tham gia chinh phục các địa phương khác và vây bắt nô lệ. Vào những năm đầu thế kỷ XX, cùng với việc người Hausa chuẩn bị đánh bại người Fulani thì người Anh đã xâm chiếm miền Bắc Nigeria và lập nên chính sách cai trị gián tiếp. Dưới sự cai trị của người Anh, người Fulani đã được củng cố ưu thế chính trị của mình và sự liên minh cầm quyền giữa người Hausa và Fulani cũng được thiết lập.

Tuy nhiên, sự liên minh này được bắt đầu sớm hơn rất nhiều, bởi vì người Fulani cai trị đơn giản chỉ bằng việc đảm nhận những vị

trí thừa kế cao nhất trong hệ thống chính trị vững mạnh của Hausa. Nhiều người Fulani cầm quyền ngày nay đã trở thành người Hausa xét ở phương diện văn hóa và ngôn ngữ. Văn hóa của người Hausa thể hiện mức độ chuyên môn hóa và đa dạng hóa lớn hơn hầu hết những bộ tộc lân cận. Nông nghiệp tự túc là nghề chính của hầu hết người Hausa, nhưng vẫn có một số kỹ năng khác như thuộc da, nhuộm màu, dệt, và kỹ nghệ sắt cũng rất được phát triển.

Người Hausa từ lâu đã nổi tiếng về việc buôn bán lưu động rộng rãi, và những thương gia giàu có phân chia vị trí xã hội cao nhất của mình với những người có học thức và có quyền lực chính trị. Kiến trúc của người Hausa rất đặc biệt. Những ngôi nhà được xây bằng những cục bùn có hình nón và những cây xà bằng gỗ (được lấy từ thân cây dừa) để làm mái nhà. Họ thường có một cái phòng dạng vòm được xây dựng từ những khung gỗ để tạo thành vòm và sau đó trát bùn lên.

Ngôn ngữ của người Hausa là một bộ phận nổi tiếng và lớn nhất của họ Chad thuộc họ ngôn ngữ Á Phi. Người Hausa đã vay mượn tự do từ những ngôn ngữ khác, đặc biệt là ngôn ngữ Arabic, và đang thích ứng rất tốt với những yêu cầu thay đổi văn hóa đương thời. Nó đã trở thành một ngôn ngữ thông dụng cho hàng triệu người Tây Phi không có nguồn gốc từ người Hausa và những cộng đồng người nói tiếng Hausa khá lớn đang sống ở các thành phố chính của miền Tây và Bắc Phi, cũng như những tuyến đường hành hương và buôn bán dọc theo sa mạc Sahara. Các tạp chí xuất bản định kỳ và các tác phẩm văn học rộng rãi viết bằng

tiếng Roman đã được xuất bản từ đầu thời kỳ cai trị của đế quốc Anh. Một hệ thống chữ viết có nền tảng từ tiếng Arab đã phát triển trước khi người Anh xâm lược vẫn bị giới hạn về cách sử dụng. Những tên Hausa bản xứ là rất hiếm. Những đứa bé được đặt tên một tuần sau khi sinh.

7. Người Igbo

Theo truyền thống người Igbo ở vùng Đông Nam Nigeria, sống trong các ngôi làng nhỏ độc lập, mỗi ngôi làng có một hội đồng được bầu cử chứ không phải là một tù trưởng. Những tổ chức dân chủ như vậy thường không giữ vững được, xã hội Igbo được phân tầng theo sự giàu có, thành công và địa vị xã hội. Đất quá chật đã buộc nhiều người Igbo rời đến những thành phố lân cận và những vùng khác ở Nigeria.

8. Người Karuni - Manga

Người Karuni - Manga có khoảng 4 triệu người, sống ở Nigeria (3 triệu người), khu vực Đông Nam Niger (455 ngàn người), khu vực Tây Chad (100 ngàn người) và ở miền Bắc Cameroon (65 ngàn người). Ngôn ngữ chính của họ là tiếng Karuni; ngôn ngữ thứ hai là tiếng Hausa, Arab hoặc là Fulfulde; Ngôn ngữ thứ ba là tiếng Pháp (dùng trong nhà trường, hành chính). Người Karuni - Manga hầu hết theo đạo Hồi.

Bộ tộc Karuni ban đầu là những người Ber thôn quê, họ bị những người Arab đánh đuổi từ Bắc Phi di chuyển tới khu vực xung quanh hồ Chad vào cuối thế kỷ VII, và nhập vào những người di cư từ thượng nguồn sông Nile. Theo lịch sử của người Karuni. Sef, con trai của Dhu Ifazan Yemen đã tới Kamen vào thế kỷ IX và tập hợp những

người dân ở đây lập nên triều đại Sayfawa. Dáng vẻ bên ngoài của người Karuni cao và đen, trông rất trang nghiêm và oai vệ. Điều này đánh dấu niềm tự hào và nhận thức về quá khứ của họ như là người cai trị, cũng như vị trí lãnh đạo và tầm ảnh hưởng hiện tại của họ. Rất nhiều người Karuni nói tiếng Hausa, Arab, hoặc là ngôn ngữ ở các vùng khác bên cạnh Karuni.

Hầu hết những người Kunari đều là những chủ trang trại có một vài động vật nhỏ như cừu và dê. Họ thường sử dụng bò để cày ruộng và cũng có thể dùng một con ngựa hay một con lừa để cưỡi. Nguồn thu nhập chính của họ là từ nông nghiệp, mua bán muối và quả chà là ở các ốc đảo.

Sản phẩm công nghiệp của người Karuni – Manga là các sản phẩm từ dệt, luyện kim, nhuộm, thuộc da. Họ thường bày bán cho những nhóm bộ tộc xung quanh trong các hội chợ. Ngày càng có nhiều người hơn đang tìm kiếm sự tiến bộ đặc biệt trong thương mại, quản lý, chính trị, dịch vụ công cộng và trong việc tiếp nhận nền giáo dục của phương Tây.

Cuộc sống gia đình được sắp xếp theo luật của đạo Hồi với việc nhấn mạnh vào vai trò của người đàn ông đứng đầu trong đại gia đình. Hiện nay vẫn còn chế độ đa thê, đàn ông có thể lấy tới 4 vợ, nhưng thông thường thì họ chỉ lấy một hoặc hai vợ. Tỷ lệ li hôn rất cao (gần 80%). Phụ nữ thường sinh từ 10 tới 15 đứa con. Trong đó chỉ có khoảng 3 hoặc 4 đứa trẻ có thể sống tới khi kết hôn. Những thế hệ sau được đặt nền tảng trên các mối quan hệ cá nhân giữa các bậc cha mẹ, nhằm nhấn mạnh vào chế độ phụ hệ. Người Kanuri kết hôn trong cùng dòng họ với

những người cư trú cùng hoặc ở gần cha mẹ chồng và một người có thể kết hôn với hai người được gọi là chế độ đa thê. Một người đàn ông nhờ vào bà con, bạn bè và những người bảo trợ về kinh tế và chính trị để tổ chức hôn nhân cho anh ta.

Ở các ốc đảo, họ buôn bán với người Tuareg. Mùa thu họ dựa vào những chiếc xe mooc để chở thức ăn và các nguyên vật liệu và để mang muối cùng những quả chà là tới các thành phố.

Xã hội của người Karuni – Manga được phân tầng, Shehu là nhà cầm quyền có vị trí tôn giáo và chính trị cao nhất, đồng thời cũng nổi bật nhất trong thương mại và các hoạt động kinh tế khác. Gia đình là nhân tố chính trị cơ bản, một số lượng lớn các hộ gia đình liên kết lại tạo thành một ngôi làng nhỏ. Ngoại trừ chính quyền Shehu và những người đứng đầu gia đình, những người đứng đầu trong khu vực, những ngôi làng nhỏ và các huyện cũng được bổ nhiệm. Việc giới thiệu nền giáo dục theo kiểu phương Tây và những chính quyền bản địa đã tạo ra những giai cấp mới với những tiền đề và nguyện vọng không mang tính truyền thống.

Có 2 kiểu quan hệ rất có ý nghĩa trong mỗi quan hệ chính trị và kinh tế: mối quan hệ dựa trên sự kính trọng và nguyên tắc (dựa trên mỗi quan hệ cha con), và mối quan hệ thứ bậc (ví dụ như, một người ít tuổi hơn không được nói cho tới khi nào người lớn tuổi hơn cho phép nói, và họ cũng không thể ăn chung bát với nhau).

Hệ thống luật pháp của bộ tộc: Ở Niger, tộc Kanuri tuân theo luật lệ của quốc gia. Hệ thống luật pháp mang tính độc lập của Niger gồm 4 hội đồng tòa án: Tòa phúc

thâm, Tòa tối cao, Tòa dân sự tối cao và tòa an ninh quốc gia. Trong các cuộc tranh cãi của người Chad có liên quan giữa các đảng thường phải nhờ tới sự hòa giải của một đại diện dân tộc.

Tộc người Kanuri sống ở Niger, Chad, Nigeria và Cameroon ngày nay được phân chia bởi các biên giới quốc gia. Niger giành được độc lập từ nước Pháp vào năm 1960 và người Kanuri liên kết rất tốt với các nhóm bộ tộc khác trong nước.

Hầu hết người Kanuri đều là nông dân, nhưng họ thường xuyên làm một số công việc khác trong suốt mùa khô. Họ trồng kê như là một loại cây trồng cố định, và trồng thêm cả cây cao lương, ngô, và lạc. Họ nuôi cừu, dê, và một vài con ngựa. Đối với người Kanuri, ngựa là một biểu tượng cho uy thế.

Người Kanuri sống ở các thành phố chủ yếu tập trung vào các công việc nhà nước, các công sở, xây dựng, giao thông và thương mại. Những người Kanuri làm các công việc có liên quan tới chính trị hoặc tôn giáo thường có địa vị xã hội rất cao, trong khi đó, những người làm việc như những thợ rèn, nông dân, hay những người bán thịt thì có địa vị xã hội thấp. Tuy nhiên, phần lớn những người Kanuri là nông dân, thợ thủ công, và thương nhân. Các khu định cư ở Kanuri có kích cỡ rất khác nhau, nhưng hầu hết đều có một khoảng đất giống như những bức tường bao quanh những ngôi nhà bằng cỏ hoặc bùn với mái nhà hình nón được lợp bằng tranh. Trong mùa nóng thì những ngôi nhà này rất mát mẻ. Xung quanh mỗi khu định cư là những vùng đất chăn nuôi.

Các thị trấn giống như thị trường địa phương và những trung tâm hành chính cho

người Kanuri. Ở đây có một trường học địa phương và thánh đường Hồi giáo. Gắn liền với thánh đường Hồi giáo là những trường học nhỏ dùng để giảng đạo.

Hộ gia đình là một nhân tố kinh tế quan trọng đối với người Kanuri. Số lượng người trong hộ gia đình càng lớn thì uy thế của người trong gia đình đó càng lớn. Vì vậy mà người đàn ông trẻ thường là một “khoán vay” của các hộ gia đình để giúp đỡ các lao động trên đồng, để hỗ trợ và giúp đỡ trong việc bảo vệ các gia đình nhỏ. Ngược lại, những người chủ hộ sẽ lo ăn, mặc cho người đàn ông trẻ tuổi, lo sinh lễ và còn tìm cả một cô dâu cho anh ta. Lúc đó, anh ta sẽ dời đi và bắt đầu cuộc sống gia đình riêng của mình. Kiểu quan hệ này được phổ biến rộng rãi trong xã hội Kanuri. Nó giống với mối quan hệ cha con mà trong đó sự kính trọng và trung thành tuyệt đối luôn được dành cho người đứng đầu hộ.

Giống như hầu hết những đứa trẻ khác, những đứa trẻ Kanuri thường chơi đùa cùng nhau. Thậm chí trước tuổi dậy thì, chúng đã học những trách nhiệm mà chúng sẽ phải đảm nhận khi trưởng thành. Đàn ông Kanuri kết hôn khi ở tuổi 20. Tục đa thê rất phổ biến và một người đàn ông có thể có tới 4 vợ. Những cô gái trẻ kết hôn khi còn ở tuổi vị thành niên. Theo lý tưởng, một người đàn ông muốn người vợ đầu tiên của mình là một cô gái trẻ đồng trinh. Tuy nhiên, sinh lễ cho một cô gái đồng trinh rất đắt, vì vậy đàn ông thường lấy những phụ nữ đã li hôn như là người vợ đầu tiên của mình. Tỉ lệ li hôn trong tộc người Kanuri cực kỳ cao, trong mười cuộc hôn nhân thì đến tám cuộc kết thúc bằng việc ly hôn.

Trang phục truyền thống của người Kanuri gồm bộ quần áo theo kiểu áo choàng được mặc cùng những chiếc khăn xếp hay những chiếc mũ được thêu rục rờ. Những chiếc áo choàng lớn sẽ bảo vệ họ khỏi hơi nóng. Quần áo này không bao giờ được mặc khi họ làm việc trên đồng, mà chủ yếu là mặc trong những lễ hội hay trong những nghi lễ của đạo Hồi.

9. Người Afar

Bộ tộc Afar chủ yếu sống ở Ethiopia, các khu vực ở Eritrea, Djibouti và Somalia ở vùng Sừng châu Phi. Họ nổi tiếng về thái độ thù địch đối với những người ngoại quốc và nghi lễ kỳ quái lấy cơ quan sinh dục của đàn ông như là những chiến lợi phẩm. Bộ tộc Afar là những người theo đạo Hồi có mối liên hệ với bộ tộc người Oromo.

10. Người Asante

Người Ashanti hay còn gọi là Asante là những người châu Phi trong kho tàng ngôn ngữ học Twi, sống chủ yếu ở vùng Ashanti của Ghana. Tộc người Ashanti bao gồm rất nhiều các bộ lạc, đáng chú ý là bộ lạc Dwaben, Mampon, Ofisu, Nkwanta, Adasin, Daniasso Nusta và Kumari. Những đặc trưng của tổ chức bộ tộc Ashanti bao gồm các tù trưởng cầm quyền và quyền sở hữu vùng đất chung. Tôn giáo của người Ashanti là sự pha

trộn giữa thuyết vạn vật hữu linh với thờ cúng tổ tiên. và trong quá khứ thì con người vẫn bị mang ra làm vật hiến tế. Nổi danh như là những chiến binh và những thợ thủ công lành nghề - đặc biệt là trong việc dệt bông. làm đồ gốm, chế tạo những đồ trang sức bằng vàng và bạc, người Ashanti cũng là những người nông dân rất khéo tay.

11. Người Anlo-Ewe

Tộc người Anlo-Ewe ngày nay sống ở khu vực Tây Nam của nước Cộng hoà Ghana. Họ định cư ở đây vào khoảng năm 1474 sau khi trốn khỏi Notsie.

12. Người Baka

Là tộc người săn bắn và hái lượm. người Baka "Pygmies" sống ở khu vực rừng nhiệt đới của Cameroon, cùng với nhiều nhóm bộ tộc của những người nông dân da đen và những tộc người trao đổi hàng hóa và có mối quan hệ cộng sinh từ thời trung cổ.

Người Baka cũng giống như những nhóm người lùn Pichny ở châu Phi (Bakola, Aka, Babongo, BaMbuti...) là những người du mục truyền thống. Hiện nay thời gian nhàn rỗi của họ khá nhiều do việc chặt phá rừng ồ ạt đã cướp đi những nguồn tài nguyên tự nhiên và những yếu tố rất cần thiết cho sự tồn tại về mặt văn hóa và sinh học của người Pygmies.

(Còn tiếp)